TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2019
V/v Tranh chấp về ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thúy.

2. Ông Hồ Huy Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Son – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Sỹ – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ 1, ấp N, xã H1, huyện D, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1977. Địa chỉ: Tổ 1, ấp 5, xã Đ, huyện G, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lần hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Lích chung sống với nhau vào năm 2011, có tìm hiểu trước khoảng 01 năm, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 24-11-2011. Ngày làm lễ cưới gia đình anh L không có cho chị nữ trang, nhưng chỉ có nữ trang do chị

tự kinh doanh mà có và ngày cưới chị đưa cho anh L để nói là gia đình chồng cho chị gồm 01 đôi bông tai 09 phân vàng 24K, 01 sợi dây chuyền 01 chỉ vàng 18K, 01 chiếc nhẫn 05 phân vàng 24K và 01 cặp nhẫn cưới vàng trắng không nhớ trọng lượng. Hiện số nữ trang này không còn do vợ chồng chị đã bán để kinh doanh. Sau đó anh L qua lại nhà chị sống một thời gian, đến khi con được 04 tuổi chị về nhà cha mẹ chồng tại ấp 5, xã B, huyện G sinh sống và làm ăn.

Anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng chị thường xảy ra cải nhau về chuyện tiền bạc dẫn đến không ai tin tưởng đến ai. Trước khi sống với chị thì anh L đã có 02 người vợ, 02 con riêng và trước khi sống với anh L thì chị cũng có 01 người chồng, 01 con gái riêng nên chị có dẫn con gái riêng của chị về nhà anh L để sống. Khi về chung sống vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn về chuyện con riêng, con chung, không tin tưởng nhau và anh L đi làm nhưng không đưa tiền cho chị để lo lắng chi phí sinh hoạt trong gia đình. Anh L có quen với người phụ nữ khác nên chị hỏi thì bị anh L đánh nhiều lần. Đến ngày 26-4-2019 vợ chồng chị xảy ra cải nhau do anh L không tin tưởng chị mà nói đưa chị bao nhiêu tiền cũng hết, anh L không muốn cho con riêng của chị ở chung nhà nữa nên anh L có dùng dao cứa vào cổ chị, đập phá xe và đánh chị đuổi đi ra khỏi nhà. Cùng ngày 26-4-2019 chị bỏ về nhà cha mẹ ruột của tôi tại ấp L, xã H1, huyện D sống cho đến nay. Kể từ ngày ly thân vợ chồng chị chỉ gặp mặt nhau vài lần do anh L lên nhà để thăm con nhưng vợ chồng chị không bàn bạc việc đoàn tụ. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Anh chị có 01 người con tên Nguyễn Gia L1, sinh ngày 15-10-2012. Hiện cháu L1 đang sống với chị nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L1 và chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh L để thu thập chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh L không đến nên không có ý kiến bằng văn bản để gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh L, chị H được ly hôn với anh L; về con chung: Giao cho chị H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia L1, sinh ngày 15-10-2012, ghi nhận chị H không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị H và anh L chung sống với nhau vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện D, tỉnh Bình Dương. Do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, nay chị H có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của chị H thì thấy: Mâu thuẫn của anh chị phát sinh từ việc chị H và anh L không tin tưởng lẫn nhau về chuyện tiền bạc trong gia đình. Trước khi về chung sống với nhau anh chị đều đã có vợ, có chồng và có con riêng nên chị H có dẫn con riêng về sống với gia đình của anh L. Trong quá trình chung sống anh chị lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn về chuyện con riêng, con chung và anh L đi làm nhưng đưa cho chị H tiền để lo chi phí sinh hoạt trong gia đình. Đến ngày 26-4-2019 anh chị tiếp tục cải nhau do không tin tưởng về chuyện tiền bạc nên anh L đã đánh và không cho chị H cùng con riêng ở chung với gia đình anh L. Vì vậy, chị H và con riêng bỏ về nhà cha mẹ ruột để sống cho đến nay nhưng anh L không đến gặp chị H để bàn bạc việc đoàn tụ. Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng của anh chị nhưng anh L không đến, chứng tỏ anh L đã bỏ mặc đến tình cảm của vợ chồng và không có thiện chí được đoàn tụ với chị H. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Gia L1, sinh ngày 15-10-2012. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L1 và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, kể từ ngày anh chị ly thân cho đến nay cháu L1 đều sống với chị H, cháu L1 vẫn đang phát triển bình thường và không có biểu hiện gì ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cháu L1 nên Hội đồng xét xử cần giao cháu L1 cho chị H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với các điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Ngọc H đối với anh Nguyễn Văn L. Chị H được ly hôn với anh L.

2. Về con chung: Giao cho chị H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia L1, sinh ngày 15-10-2012. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0009108 ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị H đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Tuấn Anh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã H1, huyện D, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.